

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 8 – 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật
2. Ông Trương Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Thanh T, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp K, xã VĐ, huyện L, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp K, xã VĐ, huyện L, tỉnh H.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị K tự nguyện kết hôn năm

2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên hôn nhân không hạnh phúc. Anh cũng đã tạo điều kiện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, anh và K hiện không còn sống chung với nhau nữa. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

Về con chung: Anh và chị K có 02 con chung là Đinh Kim T (giới tính: nữ), sinh ngày 02/3/2003 và Đinh Minh P (giới tính: nam), sinh ngày 01/02/2012; hiện 02 con đang sống chung với chị K. Khi ly hôn, anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Vì vậy, chị đồng ý ly hôn với anh Đinh Thanh T.

Về con chung: Chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Anh Đinh Thanh T và chị Nguyễn Thị K tự nguyện kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền,

nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đinh Thanh T và chị Nguyễn Thị K tự nguyện kết hôn năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Anh T và chị K xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị K thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T và chị K không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T; cho ly hôn giữa anh T và chị K.

[4]. Về con chung: Anh T và chị K có 02 con chung là Đinh Kim T (giới tính: nữ), sinh ngày 02/3/2003 và Đinh Minh P (giới tính: nam), sinh ngày 01/02/2012; hiện 02 con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn anh T và chị K thống nhất yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Đối với con chung là Đinh Kim T đã trên 18 tuổi; còn con chung là Đinh Minh P đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với chị K. Tại phiên tòa, anh Tuyên đồng ý giao trẻ Đinh Minh P cho chị K nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao trẻ Đinh Minh P cho chị K nuôi dưỡng. Chị K chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đinh Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp thành án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đinh Thanh T và chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Đinh Minh P (giới tính: nam), sinh ngày 01/02/2012 cho chị Nguyễn Thị K được quyền nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị K chưa yêu cầu anh Đinh Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét. Anh Đinh Thanh T có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đinh Thanh T và chị Nguyễn Thị K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đinh Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Đinh Thanh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006418 lập ngày 06/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh H thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã VĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa